|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN** |  | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **TỈNH TIỀN GIANG** |  | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  |  |  |
| Số: **05**/2022/NQ-HĐND |  | *Tiền Giang, ngày 08 tháng 7 năm 2022* |

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 không thuộc phạm vi**

**thanh toán của Quỹ Bảo hiểm y tế đối với cơ sở khám bệnh,**

**chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Tiền Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG  
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 5**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;*

*Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BYT ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2;*

*Xét Tờ trình số 180/TTr-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ Bảo hiểm y tế đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Tiền Giang; Báo cáo thẩm tra số 47/BC-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định giá dịch vụ bao gồm chi phí trực tiếp và chi phí tiền lương (chưa bao gồm sinh phẩm xét nghiệm SARS-CoV-2) không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ Bảo hiểm y tế đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập trên địa bàn tỉnh Tiền Giang (trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 Thông tư số 02/2022/TT-BYT) có thực hiện xét nghiệm SARS-CoV-2;

b) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có nhu cầu xét nghiệm và tự chi trả.

**Điều 2. Giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2**

1. Giá dịch vụ bao gồm chi phí trực tiếp và chi phí tiền lương (chưa bao gồm sinh phẩm xét nghiệm SARS-CoV-2): thực hiện theo quy định tại Phụ lục đính kèm.

Chi phí sinh phẩm xét nghiệm SARS-CoV-2 (sinh phẩm xét ghiệm nhanh, sinh phẩm xét nghiệm miễn dịch, sinh phẩm xét nghiệm cho phản ứng) theo thực tế sử dụng và giá mua theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

2. Trường hợp gộp mẫu: giá dịch vụ bao gồm chi phí trực tiếp và chi phí tiền lương theo quy định tại Phụ lục đính kèm cộng chi phí sinh phẩm xét nghiệm theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này, trong đó sinh phẩm xét nghiệm được chia đều theo số mẫu gộp.

**Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang Khóa X, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 08 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2022.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 27/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang quy định giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ Bảo hiểm y tế đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc tỉnh Tiền Giang quản lý./.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** |  | **CHỦ TỊCH** |
| - UB.Thường vụ Quốc hội;  - VP. Quốc hội, VP. Chính phủ;  - HĐDT và các Ủy ban của Quốc hội;  - Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);  - Các Bộ: Tài chính, Y tế, Tư pháp;  - Bảo hiểm Xã hội VN;  - Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);  - Vụ Công tác đại biểu (VPQH);  - Cục Hành chính - Quản trị II (VPCP);  - Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;  - Các đ/c UVBTV Tỉnh uỷ;  - UBND, UBMTTQVN tỉnh;  - Các Sở, Ban ngành, đoàn thể tỉnh;  - ĐB. Quốc hội đơn vị tỉnh Tiền Giang;  - ĐB. HĐND tỉnh;  - TT. HĐND, UBND các huyện, thành, thị;  - TT. HĐND các xã, phường, thị trấn;  - Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;  - Lưu: VT. |  | **Võ Văn Bình** |

**Phụ lục**

**BẢNG GIÁ DỊCH VỤ XÉT NGHIỆM SARS-COV-2***(Kèm theo Nghị quyết số* ***05****/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022*

*của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **DANH MỤC DỊCH VỤ** | **Mức giá bao gồm chi phí trực tiếp và chi phí tiền lương (chưa bao gồm sinh phẩm xét nghiệm)**  **(VNĐ)** |
| **I** | **Xét nghiệm SARS-CoV-2 Ag test nhanh** | **11.200** |
| **II** | **Xét nghiệm SARS-CoV-2 Ag miễn dịch tự động/ bán tự động mẫu đơn** | **30.800** |
| **III** | **Xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR trong trường hợp mẫu đơn** | **212.700** |
| 1 | Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm | 45.400 |
| 2 | Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả | 167.300 |
| **IV** | **Xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR trong trường hợp mẫu gộp** |  |
| **1** | **Trường hợp gộp ≤ 5 que tại thực địa (nơi lấy mẫu)** | **78.800** |
| 1.1 | Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm | 24.100 |
| 1.2 | Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả | 54.700 |
| **2** | **Trường hợp gộp 6-10 que tại thực địa (nơi lấy mẫu)** | **62.500** |
| 2.1 | Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm | 23.300 |
| 2.2 | Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả | 39.200 |
| **3** | **Trường hợp gộp ≤ 5 mẫu tại phòng xét nghiệm** | **112.500** |
| 3.1 | Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm | 48.400 |
| 3.2 | Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả | 64.100 |
| **4** | **Trường hợp gộp 6-10 mẫu tại phòng xét nghiệm** | **97.200** |
| 4.1 | Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm | 49.200 |
| 4.2 | Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả | 48.000 |